

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên- kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 780/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 918/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 998/2021/TB-TA ngày 30/11/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 381/TB-TA ngày 09/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 56/71 ấp C, phường T1, quận 2 (nay là thành phố T2), thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú: tổ 46, khu D, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh Đoàn Văn T yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T1, quận 2 (nay là thành phố

T2), thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đi làm có tiền nhưng không phụ giúp chị nuôi con, chăm lo cho gia đình, anh T làm bất cứ việc gì cũng không hỏi ý kiến của chị L. Kể cả việc vay tiền Ngân hàng, anh T cũng không thông báo cho chị biết, và chị cũng không biết anh T sử dụng số tiền này để làm gì. anh T rất ít khi về bên gia đình vợ, gặp cha mẹ vợ thì cũng không chào hỏi. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Hiện nay chị và anh Tâm đã ly thân được 04 năm, mặc dù sống cùng nhà nhưng vợ chồng không nói chuyện, không quan hệ với nhau. Từ tháng 4/2021 chị L đã dọn ra ngoài ở trọ, còn anh T thì vẫn tiếp tục chung sống với gia đình anh T ở xã Đ.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Như Y, sinh ngày 15/4/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị L đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng 7.200.000 đồng/tháng. Ngoài ra chị còn có gia đình phụ nuôi con nên không anh T phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc và không có điều kiện đi lại nên chị L xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử, chị L cam kết không có thắc mắc, khiếu nại gì.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn anh Đoàn Văn T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đoàn Ngọc Như Y, sinh ngày 15/4/2013 cho chị L nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đoàn Văn T, hiện các đương sự đang tạm trú và sinh sống tại huyện N, tỉnh Đồng Nai, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Đoàn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về hôn nhân: chị L và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, quận 2 (nay là thành phố T2), thành phố Hồ Chí Minh do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị L nộp đơn xin ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời anh T tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến tham gia phiên hòa giải, từ đó cho thấy anh T không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác theo lời khai của chị L thì vợ chồng đã tự sống ly thân được khoảng 04 năm nay, nhiều lần bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị L xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

[3] Về con chung: chị L khai có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Như Y, sinh ngày 15/4/2013. Tại tòa, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tòa án cũng đã tiến hành ghi lời khai cháu Như Y và cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử xử giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L. Xử cho chị L được ly hôn anh Đoàn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Như Y, sinh ngày 15/4/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001348 ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị L đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS, THA huyện N;
- Các đương sự;
- UBND phường T1;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Hữu Chí

